

HÌNH TƯỢNG VĂN HỌC

A. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

I. Khái niệm

1. Hình tượng nghệ thuật:

- Các nhà triết học cổ đại Hi – Lạp, tiêu biểu là Platon và Aristotle cho rằng nghệ thuật là “sự mô phỏng tự nhiên”. Ở đây “tự nhiên” được hiểu là toàn bộ thế giới thực tại: tự nhiên và xã hội. Còn “mô phỏng” là khả năng của nghệ thuật trong việc tái tạo lại các hiện tượng riêng lẻ ấy bằng các loại hình nghệ thuật.

- Hegel – nhà triết học người Đức cũng chia nhận thức của con người ra làm ba nhóm:

- + triết học nhận thức bằng khái niệm
- + tôn giáo nhận thức bằng biểu tượng
- + nghệ thuật nhận thức bằng hình tượng.

- Khái niệm hình tượng chỉ đặc điểm chung về phương thức phản ánh đời sống của tất cả các loại hình nghệ thuật, để phân biệt nghệ thuật với khoa học và các hình thức ý thức xã hội khác.

- Để mỗi hình tượng được tái hiện và tồn tại, người nghệ sĩ phải sử dụng những phương tiện vật chất cụ thể như: ngôn từ (văn học), âm thanh (âm nhạc), màu sắc, đường nét (hội họa), lời nói, hành động (sân khấu),... Nhờ đó, khi khám phá nghệ thuật, người ta không những được cảm thụ, thưởng thức cái đẹp, được tiếp cận với nguồn tri thức vô hạn của nhân loại mà đồng thời, qua đó người ta còn được tiếp nhận những chân lí về đời sống.

2. Hình tượng trong văn học:

- Hình tượng “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật”. (Từ điển Văn học).

- Hình tượng là những bức vẽ về cuộc đời và con người cụ thể được nhà văn sáng tạo qua liên tưởng, tưởng tượng.

- Hình tượng điển hình là hình tượng vừa mang những nét bản chất nhất, chung nhất, vừa mang những nét cá tính riêng độc đáo, không lặp lại của một hạng người nào đó trong xã hội.

- Hình tượng được tạo nên bằng các chi tiết nghệ thuật. VD: Chi tiết ngoại hình, nội tâm, nghề nghiệp, tiểu sử, ngoại cảnh...

II. Đặc điểm của hình tượng nghệ thuật

1. Hình tượng nghệ thuật trong văn học được xây dựng bằng ngôn từ nghệ thuật nên mang tính phi vật thể.

- Tính *phi vật thể* của hình tượng ngôn từ được hiểu là: Lấy ngôn từ làm chất liệu, văn học chỉ xây dựng được những hình tượng được hình dung một cách gián tiếp nhờ kêu gọi trí tưởng tượng, liên tưởng của người đọc. Bằng giác quan vật chất, không ai cảm nhận được hình tượng văn học. Đó chính là tính *phi vật thể* của hình tượng ngôn từ

- So sánh với những môn nghệ thuật khác có thể đây là hạn chế của văn học: Âm nhạc dùng *âm thanh*; hội họa dùng *đường nét*; điêu khắc dùng *mảng khối* để xây dựng hình tượng. Các môn nghệ thuật này sử dụng chất liệu có khả năng tác động trực tiếp vào các giác quan của con người, tức có thể nhìn, nghe, cảm nhận được bằng giác quan do đó có ưu thế gây được ấn tượng mạnh, hấp dẫn, sinh động...

- Tuy nhiên, chính nhờ sử dụng ngôn từ như một chất liệu có khả năng kêu gọi trí tưởng tượng, văn học lại có ưu thế hơn nhiều loại hình nghệ thuật khác, ở chỗ:

+ Nó huy động được mọi giác quan của người sáng tác, người đọc vào việc quan sát và thể hiện cuộc sống.

+ Giúp người đọc cảm nhận được những gì mơ hồ, mong manh, tinh tế nhất.

+ Có khả năng phản ánh được quá trình vận động không ngừng của đời sống trong mọi kích thước, chiều hướng của không gian và thời gian.

+ Có khả năng miêu tả cụ thể, tỉ mỉ cả hoạt động lời nói và hoạt động tư duy của con người.

=> Thông qua trí tưởng tượng, độc giả có thể *tái tạo lại hình tượng cuộc sống, con người. "Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc"* là vì thế.

2. Hình tượng nghệ thuật gắn liền với đời sống.

- VH nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống.

- Hình tượng nghệ thuật tái hiện cuộc sống nhưng lại không đơn thuần là sao chép y nguyên những hiện tượng có thật mà là tái hiện một cách có chọn lọc, sáng tạo thông qua tài năng và trí tưởng tượng của nghệ sĩ, bằng sự khéo léo và tinh tế của mình, họ biến những sự vật dù tầm thường nhất trở thành các hình tượng đẹp có sức truyền cảm mạnh mẽ, mang những ấn tượng sâu sắc đến với người cảm thụ.

3. Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái khái quát.

- Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan đều tồn tại ở dạng riêng biệt, là một cá thể độc lập, cụ thể. Ngay chính bản thân con người cũng tồn tại là những cá nhân cụ thể, độc đáo, không lặp lại.

Song không phải vì thế mà chúng sống tách rời, riêng rẽ, mọi sự vật hiện tượng chỉ có tồn tại được khi chúng được đặt trong mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng khác xung quanh. Vì vậy, trong mỗi hiện tượng, sự vật cá biệt đều chứa đựng sự thống nhất giữa hai mặt đối lập nhau: cái chung và cái riêng. Nghĩa là, nó mang những dấu hiệu cụ thể, cá biệt, không lặp lại ở những hiện tượng khác, lại vừa mang những đặc điểm bản chất đại diện cho những hình tượng cũng loại, điển hình cho loại của mình. Một người nghệ sĩ xuất sắc hay một nhà bác học tài năng cũng đều phải nắm bắt những gì chủ yếu thuộc về bản chất của sự vật, hiện tượng, để biết tập trung sự chú ý của mình vào những sự kiện, những quá trình của sự vật, hiện tượng mà trong đó bộc lộ đầy đủ nhất ý nghĩa của đối tượng mình nghiên cứu và khám phá.

- Thay vì tiếp cận chân lí bằng cách gạt bỏ những chi tiết cụ thể, cá biệt, những yếu tố ngẫu nhiên, tách rời những thuộc tính chung, điển hình của sự vật, hiện tượng ra khỏi những đặc điểm cụ thể, những yếu tố riêng lẻ để đúc kết thành quy luật tổng quát dưới dạng công thức, khái niệm, phạm trù; thì nghệ thuật khái quát chân lí cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật không bao giờ tách khỏi những hiện tượng cụ thể, cá biệt.

+ Khoa học sử dụng những sự vật, hiện tượng cụ thể chỉ để làm ví dụ minh họa cho các thuộc tính, quy luật được khái quát rõ ràng và dễ hiểu hơn.

+ Nghệ thuật dùng những hình tượng cụ thể, cá biệt mang tính điển hình để làm đại diện cho cái lớn lao, cái toàn thể.

+ VD “Chí Phèo” của Nam Cao là một tác phẩm điển hình với hai hình tượng nhân vật tiêu biểu là Chí Phèo và Bá Kiến. ...

- Từ chính đặc điểm này mà hình tượng nghệ thuật có khả năng tái hiện lại cuộc sống một cách hoàn chỉnh và toàn vẹn. Vậy nên, khi tiếp xúc với những tác phẩm nghệ thuật, ta như được tận mắt chứng kiến, được tham gia vào câu chuyện đời thực mà tác giả đề cập.

- Bằng những hình tượng cụ thể, sinh động mang tính điển hình, nghệ thuật đã truyền đến con người không chỉ những thông tin, những kiến thức mới mẻ về cuộc sống mà còn đem đến cho họ những xúc cảm mới lạ, gọi dậy những tình cảm thiêng liêng khiến con người ta nghĩ tốt và sống đẹp hơn, có ích hơn.

4. Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa hai mặt khách quan và chủ quan.

- Nghệ thuật là hình ảnh của cuộc sống khách quan được phản chiếu qua đôi mắt chủ quan của người nghệ sĩ đa cảm, tinh tế, sâu sắc. Trong nghệ thuật, yếu tố chủ quan chi phối đến cả quá trình sáng tạo của tác giả, hơn thế tính chất chủ quan còn in dấu rõ nét trên mỗi tác phẩm nghệ thuật, và chính điều đó làm đã làm nên phong cách riêng của người nghệ sĩ. Nghệ thuật phản ánh thế giới khách quan qua cái nhìn chủ quan của người nghệ sĩ. Vì vậy, trong một tác phẩm nghệ thuật luôn có sự hòa quyện không thể tách rời của hai yếu tố khách quan và chủ quan.

- Như vậy, trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, người nghệ sĩ đặt tình cảm chủ quan của bản thân vào trong chính hình tượng mình xây dựng. Hình tượng nghệ thuật do đó không chỉ phản ánh hiện thực mà còn biểu hiện thái độ chủ quan của người nghệ sĩ đối với hiện thực ấy.

5. Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa lí trí và tình cảm.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí trí và tình cảm là nhân tố đưa các tác phẩm nghệ thuật trở thành những kiệt tác trường tồn cùng thời gian. Một tác phẩm càng chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc thì càng dễ đi vào lòng người vì vậy mà càng dễ chiến thắng cái khắc nghiệt của không gian và thoát khỏi quy luật bào mòn của thời gian.

Từ tất cả những điều trên, ta có thể khẳng định một cách khái quát rằng, trong hình tượng nghệ thuật, tình cảm không những đối lập với lí trí mà chúng còn có quan hệ thống nhất chặt chẽ với nhau. Tình cảm được kiểm định bằng lí trí, lí trí mượn tình cảm để đi vào lòng người. Đó là sự kết hợp hoàn hảo giữa tình cảm và lí trí trong một chỉnh thể nghệ thuật

6. Hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ

Ước lệ là biện pháp tái hiện sự vật, hiện tượng bằng hình tượng có tính quy ước. Nghệ thuật được hiểu là một cách thức mô phỏng lại cuộc sống. Song, dù phản chiếu cuộc sống chân thực đến đâu nghệ thuật cũng không thể mất đi yếu tố sáng tạo, tưởng tượng trong mỗi tác phẩm mà tất cả những yếu tố ấy gọi chung là tính ước lệ của hình tượng. Không có tính ước lệ, nghệ thuật sẽ chỉ là một bản sao đơn điệu của cuộc sống, sẽ chỉ là cái khuôn đúc khô cứng không có hơi thở của sự sống. Nghệ thuật tái hiện cuộc sống một cách có chọn lọc, có sáng tạo bằng hoạt động hư cấu thông qua trí tưởng tượng của nghệ sĩ. Kết quả của quá trình đó là những hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ. Người nghệ sĩ thực sự tài năng là người có thể mang cả cái hơi thở phập phồng của sự sống vạn vật vào trong tác phẩm của mình.

Cuộc sống luôn vận động và phát triển nó không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, trong khi nghệ thuật lại chịu sự chi phối về giới hạn của ngôn từ. Mà nhiệm vụ của nghệ thuật là phải khái quát được phạm vi rộng lớn của hiện thực cả về chiều rộng và chiều sâu mà vẫn không phá vỡ tính hoàn chỉnh, toàn vẹn của tổng thể tác phẩm. Bởi vậy, sự xuất hiện của tính ước lệ như một lối thoát cho người nghệ sĩ. Bằng hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, người nghệ sĩ có thể thả sức sáng tạo. Song, tính ước lệ không đồng nghĩa với việc xa rời thực tế, càng không hề đồng nghĩa với việc xuyên tạc sự thực, chân lí. Ngược lại,

nhờ tính ước lệ mà nghệ thuật có thể phản ánh chân thực cuộc sống, nhờ tính ước lệ mà bản chất cuộc sống được thể hiện một cách đầy đủ về cả chiều rộng và chiều sâu.

Xuất hiện khá nhiều và trở thành nét điển hình không thể thiếu, tính ước lệ của hình tượng nghệ thuật trở thành một đặc điểm nổi bật trong văn học cổ Việt Nam. Người xưa thường dùng hình ảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt, cây, cỏ,... để diễn tả ngoại hình, dáng vẻ, cốt cách, phẩm giá của con người. Hình ảnh cây thông (cây tùng) bốn mùa có tán lá xanh tươi, quanh năm đứng vững chãi trên dốc núi cheo leo bất chấp bão bùng sương tuyết là hiện thân cho nhân cách cứng cỏi, bản lĩnh phi thường, khí phách hiên ngang của con người không bị chi phối trước uy quyền, danh lợi. Hay hình ảnh những bông hoa mỏng manh, yếu đuối nhưng thơm ngát, tinh khôi thường để miêu tả người phụ nữ đẹp. Đó là những sáng tạo nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ cao. Phương pháp nghệ thuật cổ không miêu tả hiện thực theo dạng tả chân thực, theo thẩm mỹ văn học cổ dùng hình ảnh ước lệ tượng trưng đem lại cho lời văn lời thơ trang nhã, bóng bẩy, súc tích. Ví dụ: Trong bài *Chiều tối* của Hồ Chí Minh có viết:

*Quyện điều quy lâm tâm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không)*

Cảnh chiều tối là một đề tài quen thuộc của văn chương. Khung cảnh buổi chiều về tối thường dễ sinh tình vì thế, buổi chiều đã đi vào bao áng thơ kim cổ, làm nên những vần thơ tuyệt tác. Thơ chiều cổ điển thường man mác một nỗi buồn đìu hiu, hoang vắng trong sự tàn tạ của thời gian, hoặc trĩu nặng nỗi buồn tha hương lữ thứ. Ở đây bằng vài nét chấm phá của bút pháp ước lệ tượng trưng tác giả đã dựng nên bức phong lớn làm nền cho cảnh chiều.

Ở những câu thơ trên ta thấy, “Cánh chim” và “chòm mây” là hai hình ảnh quen thuộc thường xuất hiện trong thơ chiều xưa và nay. Cho nên, đó chỉ là hai hình ảnh của không gian mà đã mang theo ý nghĩa của thời gian. Cánh chim ở đây được lấy từ thế giới nghệ thuật cổ phương Đông. Trong thế giới thẩm mỹ ấy, hình ảnh cánh chim bay về rừng đã ít nhiều có ý nghĩa biểu tượng ước lệ diễn tả cảnh chiều: “Phi yến thu lâm”; “Quyện điều quy lâm” là những nhóm từ thường thấy trong thơ chữ Hán. Trong “Truyện Kiều”, khi miêu tả cảnh chiều, Nguyễn Du đã điem vào bức tranh hình ảnh cánh chim bay về rừng: “Chim hôm thoi thót về rừng”. Trong thơ Bà Huyện Thanh Quan cũng thế: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” và Huy Cận lại cảm thấy bóng chiều như đang sà xuống từ cánh chim đang nghiêng dần về cuối chân trời: “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”.

Hình như trong cảm nhận của các thi nhân xưa thì khi miêu tả cảnh chiều mà không có hình ảnh cánh chim thì bóng chiều chưa rõ. Cánh chim trong thơ xưa thường chỉ là một chi tiết nghệ thuật thuần túy để gợi tả cảnh chiều thế thôi và thường gợi nên cảm giác về sự xa xăm, phiêu bạt, chia lìa:

*“Chúng điểu cao phi tận” - Lí Bạch
“Thiên sơn điểu phi tuyệt” – Liễu Tông Nguyên*

Chúng ta đều nhận thấy cánh chim trong thơ của Lí Bạch và Liễu Tông Nguyên đều “Phi tuyệt”, “Phi tận”. Tất cả đều không có điểm dừng mà ở vào trạng thái bay vào chốn xa xăm, vô tận, gợi lên một ý niệm siêu hình nào đó. Còn cánh chim trong bài thơ “Chiều tối” của Bác lại có phương hướng, điểm dừng, mục đích bay rõ ràng:

*Quyện điều quy lâm tâm túc thụ
(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ)*

Như vậy, Bác đã đưa cánh chim từ thế giới siêu hình trở về với thế giới hiện thực. Ta nhận thấy trong cách nhìn của Bác là một cách nhìn đầy yêu thương, trù mến trước biểu hiện nhỏ nhoi của sự sống. Nhìn cánh chim đang bay, Bác cảm nhận được sự mệt mỏi của đôi cánh sau một ngày đường hoạt động. Trong chiều sâu tâm hồn của Bác chính là lòng yêu thương sự sống, cảm quan của Bác chính là cảm quan nhân đạo.

Hẳn vậy, tính ước lệ của hình tượng cho phép nghệ thuật tái hiện chân thực mà không lặp lại hay sao chép cuộc sống, làm cho hình tượng trở nên sinh động, hấp dẫn, vừa thực lại vừa hư, vừa ẩn lại vừa hiện, khiến ta không thể đồng nhất nó với bản thân cuộc sống. Nhớ tính ước lệ mà hình tượng nghệ thuật mang tính hàm súc cao, nó có thể truyền đạt được những nội dung cuộc sống phong phú trong một bức tranh, một pho tượng, một vở kịch, một bản nhạc, một bộ phim, hay chỉ trong một câu truyện ngắn,...

7. Hình tượng nghệ thuật mang tính đa nghĩa.

Nghệ thuật là một trong những lĩnh vực sáng tạo phức tạp nhất của con người để phản ánh thực tại. Sản phẩm của quá trình sáng tạo đó là những hình tượng nghệ thuật chứa đựng trong bản thân nó sự thống nhất biện chứng giữa các mặt đối lập: hiện thực khách quan hòa nhập với thế giới chủ quan; tình cảm được soi sáng trong lí trí; sự thật cuộc sống được phản ánh trong cái ước lệ, tượng trưng,... Sự thống nhất giữa các mặt đối lập đã làm cho hình tượng nghệ thuật trở thành một tín hiệu đặc biệt chứa đựng những thông điệp về cuộc sống, lưu giữ những tín hiệu chông chéo về cuộc đời.

Bởi vậy, một hình tượng nghệ thuật có thể đem đến cho người thưởng thức những cách nhìn nhiều

chiều, những cách lí giải ở nhiều góc độ khác nhau. Đó chính là tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật. Tính đa nghĩa cũng là một trong những đặc điểm nổi bật làm nên tính khác biệt giữa hình tượng nghệ thuật với các khái niệm khoa học. Nếu như khái niệm khoa học chỉ có một nghĩa và phải rõ ràng thì trong nghệ thuật, một hình tượng được coi là điển hình và xây dựng thành công là khi nó có khả năng chứa đựng, bao hàm nhiều tầng nghĩa mà khi càng tìm hiểu người ta càng phát hiện ra những lớp ý nghĩa sâu xa hơn. Đôi khi có những ý nghĩa còn nằm ngoài ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ. Nguyên lí “Tảng băng trôi” của Hemingway là một khẳng định vững vàng cho tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật.

III. Vai trò của hình tượng nghệ thuật:

- Văn học nhận thức đời sống và thể hiện tư tưởng, tình cảm bằng hình tượng nghệ thuật. Đây chính là đặc trưng cách tư duy và phương tiện phản ánh của văn học:

+ Hình tượng là phương tiện để nhà văn khái quát hiện thực: thông qua hình tượng, nhà văn làm sống lại một cách cụ thể và gợi cảm những sự việc, hiện tượng của đời sống.

+ Hình tượng là nơi kí thác tư tưởng, tình cảm của nhà văn: Hình tượng không chỉ là thế giới đời sống, mà còn là “thế giới biết nói”. Thông qua hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm, nhà văn muốn đối thoại với độc giả về quan niệm nhân sinh nào đó. *Hình tượng là kết tinh của những ấn tượng sâu sắc về cuộc đời làm nhà văn day dứt. Anh viết ra để nói to, để chia sẻ với mọi người. Hình tượng, như thế nó gắn liền với quan điểm, lí tưởng và khát vọng của nhà văn.* Cuộc sống và con người được miêu tả trong văn học, vừa giống cái đã có và hiện có; vừa là cái có thể và cần có.

- Hình tượng văn học thể hiện tâm hồn, bản ngã của người nghệ sĩ; làm nên **phong cách NT**; là thước đo giá trị tài năng của nhà văn (Riêng hình tượng điển hình là *huy chương vàng* dành cho nhà văn trong sáng tác); nó còn là tiêu chí đánh giá giá trị của mỗi giai đoạn, mỗi thời kì văn học.

B. LUYỆN ĐỀ:

ĐỀ 2:

Máu thịt và linh hồn của văn học là hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ.

Anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích

- Hình tượng được hiểu “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật”. Trong tác phẩm văn học, hình tượng nghệ thuật là những bức vẽ về cuộc đời và con người cụ thể được nhà văn sáng tạo qua liên tưởng, tưởng tượng; là đưa con tinh thần của người nghệ sĩ trong quá trình nhận thức và tái hiện cuộc sống.

- Máu thịt và linh hồn: là phần xác và phần hồn, những gì cần thiết nhất, quan trọng nhất của một cơ thể sống. Ở đây ẩn dụ để nói về tác phẩm văn học.

- *Máu thịt và linh hồn của văn học là hình tượng nghệ thuật*: Hình tượng là yếu tố cốt tử để tạo nên giá trị và sức sống của tác phẩm văn học.

- *Hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ*: nghĩa là ngôn từ là chất liệu duy nhất, đặc biệt để nhà văn sáng tạo nên hình tượng nghệ thuật.

=> Ý kiến bàn về vai trò và đặc trưng của hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học.

2. Bình luận

a. Vì sao hình tượng là “máu thịt và linh hồn” của tác phẩm văn học?

- Có ba loại tư duy: tư duy hành động – trực quan, tư duy khái niệm – lô gích và tư duy hình tượng – cảm tính. Nhà văn xây dựng hình tượng nghệ thuật bằng tư duy hình tượng – cảm tính. Đây là một cách tư duy đặc trưng của nghệ thuật, là hình thức mang tính nội dung của văn học.

- Hình tượng nghệ thuật chứa đựng nó sự thống nhất biện chứng giữa các mặt đối lập: hiện thực khách quan hòa nhập với thế giới chủ quan; tình cảm được soi sáng trong lí trí; sự thật cuộc sống được phản ánh trong cái ước lệ, tượng trưng, đa nghĩa... Sự thống nhất giữa các mặt đối lập đã làm cho hình tượng nghệ thuật trở thành một tín hiệu đặc biệt, trở thành “máu thịt và linh hồn” của tác phẩm văn học.

- Cũng như các loại hình nghệ thuật khác, văn học nhận thức, phản ánh đời sống và thể hiện tư tưởng, tình cảm bằng hình tượng nghệ thuật. Vì là phương tiện phản ánh và nhận thức của văn học nên HTNT có vai trò quan trọng:

+ Hình tượng là phương tiện để nhà văn khái quát hiện thực. Thông qua hình tượng, nhà văn làm sống lại một cách cụ thể và gợi cảm những sự việc, hiện tượng của đời sống, từ đó tạo nên nội dung cốt yếu của tác phẩm văn học.

+ Là sản phẩm của sự khái quát hoá từ đời sống, hình tượng nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Hình tượng không chỉ là thế giới đời sống, mà còn là “thế giới biết nói”, là nơi kí thác tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Thông qua hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm, nhà văn muốn đối thoại với độc giả về một quan niệm nhân sinh. *Hình tượng là kết tinh của những ấn tượng sâu sắc về cuộc đời làm nhà văn day dứt. Anh viết ra để nói to, để chia sẻ với mọi người. Hình tượng, như thế nó gắn liền với quan*

điểm, lí tưởng và khát vọng của nhà văn. Chính vì thế, cuộc sống và con người được miêu tả trong văn học vừa giống cái đã có và hiện có; vừa là cái có thể và cần có. Khí ấy, tác phẩm văn học mới đích thực là một sinh thể có “máu thịt và tâm hồn”; mới có thể sống sâu và sống lâu trong lòng người đọc.

b. Hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ nên giàu sức gợi hình, gợi cảm, gợi mở.

- Hình tượng văn học không giống với hình tượng âm nhạc, hội họa hay điêu khắc. Sở dĩ có sự khác nhau đó là do mỗi loại hình nghệ thuật sử dụng một chất liệu riêng để xây dựng hình tượng. Chất liệu của âm nhạc là âm thanh, giai điệu; của hội họa là đường nét, màu sắc; của điêu khắc là mảng khối... còn văn học chính là ngôn từ. Vì vậy người ta thường nói “Văn học là nghệ thuật ngôn từ”.

- Ngôn từ văn học được đúc kết từ bốn đặc điểm cơ bản: tính chính xác, tính hàm súc, tính biểu cảm và tính hình tượng. Trong đó, tính hình tượng là một đặc trưng cơ bản nhất. Tính hình tượng của ngôn từ đã đem lại cho văn học khả năng diễn tả thế giới tự nhiên, xã hội và thế giới tâm hồn con người một cách sống động, gợi cảm, ý nhị và hấp dẫn; làm cho đời sống con người hiện ra y như thật từ những chi tiết nhỏ nhất, những gì mơ hồ, mong manh, tinh tế nhất một cách cụ thể, xác thực; nó có khả năng phản ánh được quá trình vận động không ngừng của đời sống trong mọi kích thước, chiều hướng của không gian và thời gian. Như vậy, chỉ có ngôn từ với tính chất “phi vật thể” mới có khả năng nói hết những điều muốn nói của hình tượng nghệ thuật.

- Hình tượng nghệ thuật trong TPVH là sự kết tinh của hai yếu tố cảm xúc và tư tưởng; tình cảm và lí trí. Nó chứa đựng trong đó thái độ, quan niệm, triết lý nhân sinh của người nghệ sĩ. Vì thế, chất liệu ngôn từ xây dựng nên hình tượng nghệ thuật cũng mang đậm tính chủ quan của người viết và ẩn chứa một sức nặng tư tưởng không cùng.

3. Chứng minh

- Hình tượng đồ vật, cảnh vật: Tấm lụa đào, cầu giải yếm (ca dao); Cửu trùng đài, thuốc...

- Hình tượng nhân vật: Kiều, Chí Phèo, Beelicóp...

- Phân tích cần làm rõ:

+ sự cụ thể và khái quát hiện thực của hình tượng

+ Tình cảm tư tưởng của tác giả qua hình tượng

+ Ngôn từ nghệ thuật xây dựng hình tượng

4. Đánh giá

- Đề cao hình tượng nghệ thuật không có nghĩa là tuyệt đối hóa vai trò của nó đối với sự sống còn của một tác phẩm văn chương. Để làm nên một tác phẩm chân chính cần thêm nhiều yếu tố khác như: ngôn ngữ, các thủ pháp nghệ thuật...

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận:

+ Nhà văn phải sống sâu sắc và từng trải, có tâm hồn tinh tế, nhạy bén và một tài năng ưu việt để có thể sáng tạo nên những hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ, độc đáo, giàu giá trị thẩm mỹ, từ đó làm nên những tác phẩm văn chương chân chính, hoàn thành thiên chức của người nghệ sĩ – người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp.

+ Người đọc đến với văn chương cần nhận rõ hình tượng nghệ thuật là “máu thịt và linh hồn” của tác phẩm. Phải sống với hình tượng trong tác phẩm bằng tất cả rung động cùng trí tưởng tượng phong phú mới có thể thấy hết được vẻ đẹp, giá trị của tác phẩm văn chương.

Đề 2:

Khrapchenkô cho rằng: Một hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ bao giờ cũng là một sự khám phá lớn. Sự khám phá này có thể bồi dưỡng tình cảm và làm phong phú thêm nền văn hóa tinh thần của loài người.

1. Giải thích

- Hình tượng nghệ thuật là gì?

- Hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ: là những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, mang tư tưởng lớn lao, có tính phổ quát, chuyển tải những vấn đề mà nhân loại quan tâm.

- Sự khám phá lớn: là những phát hiện sắc sảo, độc đáo, mới mẻ của nhà văn về bản chất của cuộc sống, về hành trình sáng tạo trong nghệ thuật.

- Tác động đến tình cảm và tâm hồn con người: Những hình tượng nghệ thuật tầm cỡ có ảnh hưởng lớn đến lối sống, nhân cách, khuynh hướng thẩm mỹ của mỗi người.

=> Nhận định bàn về tầm vóc, giá trị của một hình tượng nghệ thuật đích thực trong văn học.

2. Bàn luận

a. Tại sao một hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ bao giờ cũng là một sự khám phá lớn?

- Là sản phẩm của sự khái quát hoá từ đời sống, hình tượng nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Hình tượng nghệ thuật tái hiện cuộc sống nhưng lại không đơn thuần là sao chép y nguyên những hiện tượng có thật mà là tái hiện một cách có chọn lọc, sáng tạo thông qua tài năng và trí tưởng tượng của nghệ sĩ.

- Nghệ thuật dùng những hình tượng cụ thể, cá biệt mang tính điển hình để làm đại diện cho cái lớn lao, cái toàn thể, từ đó khái quát nên chân lí đời sống. Bởi thế, hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái khái quát. Càng là hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ, đạt đến độ điển hình thì lại càng có khả năng tái hiện cuộc sống một cách hoàn chỉnh và toàn vẹn.

b. Tại sao một hình tượng nghệ thuật có tầm cỡ có thể bồi dưỡng tình cảm và làm phong phú thêm nền văn hóa tinh thần của loài người?

3. Chứng minh

4. Đánh giá

Đề:

Nhà phê bình văn học Nga Biêlinxki định nghĩa: điển hình nghệ thuật như là “một người lạ mặt quen biết”.

Anh (chị) hiểu điều đó như thế nào? Bằng một số điển hình văn học, hãy làm sáng tỏ cách hiểu đó.

1. Giải thích vấn đề :

*. Ý nghĩa câu nói :Định nghĩa của Biêlinxki thực chất nêu lên nét chung và nét riêng, tính phổ quát và tính cá biệt của điển hình nói chung và điển hình văn học nói riêng.

+ “Người lạ mặt”: là nét riêng ,nét cá biệt, nét độc đáo mà nhìn vào đó ta có thể phân biệt được với nhân vật khác- đó là “con người này”(Hêghen).

+”Người lạ mặt” nhưng “quen biết” là do những nét chung, nét phổ quát của điển hình nghệ thuật. Điển chung đó giúp ta nhận ra một loại người, một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc với những đặc điểm, phẩm chất đặc trưng.

*. Giải thích lí do:

- Điển hình nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của hiện thực khách quan. Bước vào tác phẩm, hiện thực ấy mang đậm dấu ấn sáng tạo, qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Như vậy, do yêu cầu của tính riêng về phong cách cá nhân, mỗi điển hình nghệ thuật phải thể hiện được nét độc đáo, mới mẻ,từ nội dung đến hình thức, để phân biệt với hình tượng khác.

- Sự sáng tạo của người nghệ sĩ vô cùng quan trọng, song hình tượng nghệ thuật do nghệ sĩ sáng tạo không phải chỉ để cho riêng mình, mà còn là để nói hộ người khác. Do đó, điển hình nghệ thuật bao giờ cũng phải mang tính khái quát cao, nó phải phản ánh được đặc điểm, tâm lí, tính cách, tư tưởng và nguyện vọng của một tầng lớp xã hội, một giai cấp hay một loại người nào đó. Điển hình nghệ thuật là người “quen biết”, khi mỗi người đều có thể thấy hình bóng mình trong đó.

- Điển hình nghệ thuật phải hài hoà giữa tính chung và tính riêng, cụ thể và khái quát, cá biệt và phổ quát. Nếu chỉ chú ý tính chung thì hình tượng mất đi tính sinh động, cụ thể, thủ tiêu cá tính sáng tạo của nhà văn, xoá nhoà phong cách riêng độc đáo của nhà văn. Ngược lại, nếu chỉ chú ý tính riêng thì hình tượng sẽ trở nên xa lạ, tính phổ quát sẽ mất, hình tượng sẽ thiếu sức truyền cảm, không tạo được sự đồng điệu, đồng cảm với bạn đọc.

2. Phân tích một số điển hình văn học để làm sáng tỏ vấn đề:

Học sinh có thể chọn lựa phân tích một số điển hình văn học trong và ngoài nhà trường, cả VHVN và VHNN, miễn sao các hình tượng thực sự là điển hình, có tính cá biệt nhưng cũng mang tầm khái quát cao. (Ví dụ: Chí Phèo,

1. Nhân vật điển hình:

- Là hình tượng nghệ thuật được sáng tạo ra bằng phương pháp điển hình hoá, vừa có cá tính sắc nét, là “con người này” (Hê-ghen) vừa phản ánh được một số mặt bản chất của đời sống xã hội, thể hiện tính xã hội của con người.

- Nhân vật điển hình vừa có cội nguồn trong đời sống thực tế lại vừa có sức khái quát cao, tập trung nổi bật hơn, có ý nghĩa xã hội phong phú, sâu sắc hơn, đồng thời hấp dẫn thú vị hơn.

- Có nhân vật điển hình trong văn học (hoà quyện giữa tính phổ biến và tính đặc thù) là do tính riêng độc đáo trong phong cách nhà văn và do chức năng phản ánh đời sống xã hội của văn học. Tuy nhiên không phải bao giờ việc xây dựng nhân vật cũng đạt đến trình độ điển hình. Nhân vật điển hình chỉ xuất hiện ở những tác phẩm đặc sắc, ở những nhà văn có tài năng thực sự.

2. Phân tích tính điển hình của nhân vật Chí Phèo: Phân tích sự thống nhất giữa hai mặt (có cá tính sắc nét – nét riêng và phản ánh bản chất của đời sống xã hội – nét chung).

a. Những nét cá tính riêng

- Lai lịch: là đứa con hoang bị bỏ rơi ở cái lò gạch cũ, không cha, không mẹ, không họ hàng thân thích, không nhà cửa; hết đi ở lại đi làm canh điền, Chí trở thành công cụ làm giàu và thoả mãn nhục dục cho những ông chủ, bà chủ.

- Diện mạo, hình hài: cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt đen mà rất cong cong...
- Hành động, tính cách: chuyên đập phá, kêu gào chửi bới, la làng, rạch mặt ăn vạ...

Chí Phèo mang những nét cá tính riêng độc đáo không gặp ở bất kì nhân vật nào trong văn học cũng như ngoài đời.

- Đặc biệt nét riêng được khắc hoạ sâu sắc ở bi kịch của nhân vật – bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người. Đó là nỗi khổ đau cùng cực, ghê gớm chỉ có ở nhân vật Chí Phèo.

b. Nét chung khái quát:

- Chí Phèo tiêu biểu cho hiện tượng một bộ phận người nông dân - nạn nhân của chế độ cường hào thực dân bị rơi vào con đường tha hoá: từ người hiền lành lương thiện trở thành kẻ lưu manh. (Thí sinh liên hệ với các nhân vật Binh Chức, Năm Thọ trong tác phẩm, nhân vật Trạc Văn Đoàn trong “Đôi móng giò”, cu Lột trong “Tư cách mõ”, Đức trong “Nửa đêm” để thấy được tính chất tiêu biểu của Chí Phèo).

- Phản ánh một qui luật của xã hội: Khi xã hội còn những thế lực thống trị tàn bạo thì con đường bán cùng hoá, rồi dẫn đến lưu manh hoá của những người dân nghèo khổ sẽ còn tồn tại. Đây là tính khái quát rộng lớn của hình tượng nhân vật.

c. Đánh giá chung:

- Với phương pháp điển hình hoá, nhân vật Chí Phèo được xây dựng hết sức sống động, vừa có cá tính sắc nét vừa có tính chung phổ biến. Nhờ vậy nhân vật có sức sống lâu bền trong lòng độc giả.

- Nhờ việc xây dựng thành công nhân vật điển hình, tác phẩm đạt được giá trị hiện thực và nhân đạo hết sức độc đáo, mới mẻ.

- Khẳng định tài năng độc đáo, trình độ xây dựng nhân vật điển hình bậc thầy của Nam Cao, với tư cách là nhà văn hiện thực xuất sắc.

Bá Kiến (“Chí Phèo”- Nam Cao), Xuân Tóc Đỏ (“Số đỏ”-Vũ Trọng Phụng),
Hoàng (“Đôi mắt”-Nam Cao), Mị (“Vợ chồng A Phủ”-Tô Hoài),...).